

# Phương thức tài trợ dự án và mô hình đối tác công tư

ThS. NGUYỄN HOÀNG VĨNH LỘC

Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

*Tài trợ dự án (TTDA) được xem là phương thức tài trợ phi truyền thống của các tổ chức tín dụng (TCTD) cho các dự án đầu tư (DAĐT). Mục tiêu của bài viết là muốn cho thấy mối quan hệ thúc đẩy phát triển lẫn nhau giữa phương thức TTDA của các TCTD và hình thức đầu tư theo mô hình đối tác công tư (Public-Private Partnership: PPP) giữa Nhà nước và tư nhân hiện nay ở Việt Nam. Cụ thể hơn, việc các TCTD mở rộng phương thức TTDA sẽ góp phần phát triển mô hình PPP và ngược lại, việc Chính phủ Việt Nam khuyến khích phát triển mô hình PPP cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển phương thức TTDA tại các TCTD ở Việt Nam trong thời gian tới.*

## Phương thức tài trợ dự án của các TCTD là gì?

**H**iện nay, để thực hiện cấp tín dụng trung dài hạn cho một DAAĐT, các TCTD ở Việt Nam có thể sử dụng một trong các phương thức cấp tín dụng như: Cho vay theo DAAĐT, cho vay hợp vốn và cho thuê tài chính. Ngoài các phương thức cấp tín dụng này, để thực hiện cấp tín dụng cho các DAAĐT, các TCTD còn có thể sử dụng một phương thức cấp tín dụng khác là phương thức TTDA. Đây là phương

thức tài trợ đã được nhiều ngân hàng ở các nước phát triển thực hiện từ cuối thập niên 70 thế kỷ trước và đã mang lại rất nhiều lợi ích cho các bên tham gia cũng như cho nền kinh tế của họ qua việc phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ và xã hội.

Về phương diện nghiên cứu, phương thức TTDA cũng đã được các nhà nghiên cứu ở các nước phát triển thống nhất với nhau và họ đã đưa ra được rất nhiều định nghĩa rõ ràng về phương thức TTDA dùng để

phân biệt với các phương thức tài trợ truyền thống. Sau đây là một trong số những định nghĩa về TTDA đã được nêu ra:

“TTDA là việc người cho vay xem xét chủ yếu dòng tiền và thu nhập của dự án đóng vai trò là nguồn trả nợ và tài sản của dự án đóng vai trò là vật thế chấp cho khoản vay. Nói chung uy tín của doanh nghiệp dự án (DNDA) thường không phải là nhân tố quan trọng, bởi vì DNDA là một công ty không có các tài sản khác hoặc bởi vì khoản tài trợ không truy đòi trực tiếp đối với những cổ đông” (Credit Analysis).

Để hiểu về TTDA này một cách rõ ràng hơn, chúng ta xem xét một ví dụ dưới đây:

Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam (PVN) là một tập đoàn kinh tế hàng đầu của Việt Nam. PVN đang cần một khoản vay 1 tỷ USD với thời hạn 10 năm để thực hiện một DAAĐT tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí tại Venezuela. PVN cam kết chịu trách nhiệm về khoản nợ này bất kể sự thành công hay thất bại của DAAĐT của họ. Rõ ràng là với lời đề nghị này, nếu TCTD nào ở Việt Nam đồng ý cho PVN vay tiền để thực hiện



dự án tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí tại Venezuela thì cũng có nghĩa là TCTD đó sẽ thực hiện tài trợ cho DAĐT của PVN. Tuy nhiên, TCTD tài trợ sẽ không hoàn toàn đặt niềm tin duy nhất vào dòng tiền sinh ra từ dự án được TCTD tài trợ bởi vì PVN cam kết chịu trách nhiệm về khoản nợ này bất kể sự thành công hay thất bại của dự án được tài trợ. Rõ ràng là với phương thức tài trợ này, TCTD tài trợ chỉ chú trọng đến uy tín của PVN đóng vai trò là người khởi xướng dự án, đồng thời là chủ đầu tư dự án, để ra quyết định cấp tín dụng. Khoản tài trợ cho DAĐT này không được xem là khoản TTDA theo nghĩa “thực” do nó không thỏa mãn được định nghĩa về TTDA nói trên mà chỉ được xem là phương thức tài trợ truyền thống.

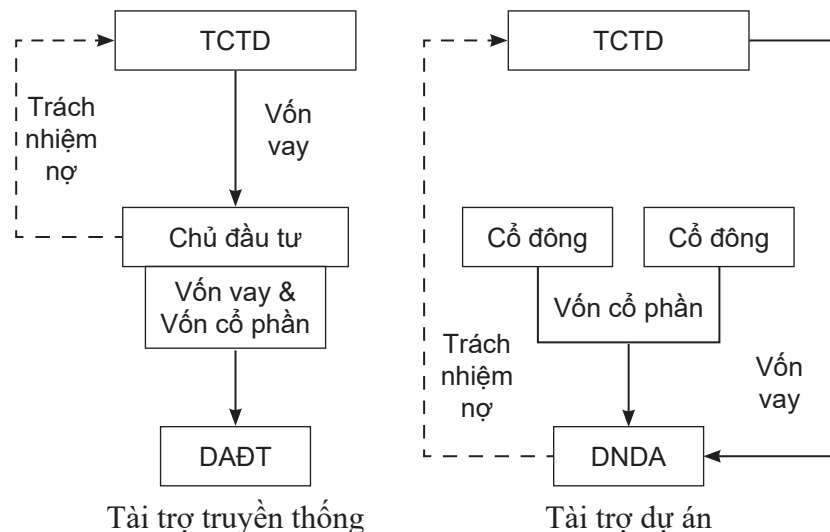
Ngoài việc tìm kiếm nguồn tài trợ cho dự án theo phương thức tài trợ truyền thống như trên, PVN có thể tìm kiếm khoản tài trợ cho DAĐT của họ bằng cách khác. PVN có thể ký với Bộ Năng lượng Dầu khí quốc gia Venezuela Hợp đồng thành lập và quản lý Doanh nghiệp Liên doanh Petromacareo để thực hiện DAĐT khai thác Lô mỏ dầu Junin 2. Doanh nghiệp Liên doanh Petromacareo được thành lập này đóng vai trò là chủ đầu tư và được gọi là doanh nghiệp dự án (DNDA). DNDA này sẽ đứng tên vay và chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn góp của PVN và Bộ Năng lượng Dầu khí quốc gia Venezuela. Điều này có

nghĩa là hai bên liên doanh sẽ không gánh chịu trách nhiệm nợ vượt quá số vốn đầu tư ban đầu của họ trong DNDA. Do vậy, TCTD tài trợ không thể thừa kiện dựa vào tài sản của PVN hay Bộ Năng lượng Dầu khí quốc gia Venezuelado việc Doanh nghiệp Liên doanh Petromacareo không hoàn trả được khoản nợ mà TCTD đã tài trợ. Rõ ràng là với phương thức tài trợ này, bên cạnh việc xem xét mức độ góp vốn ban đầu của PVN và Bộ Năng lượng Dầu khí quốc gia Venezuela cho dự án thì việc TCTD có đồng ý tài trợ cho dự án này hay không chỉ có thể dựa vào việc đánh giá mức độ thành công của dự án và tin tưởng rằng dự án sẽ tạo ra đủ tiền để hoàn trả nợ vay cho TCTD. Nói cách khác, theo định nghĩa TTDA, TCTD sẽ xem xét chủ yếu dòng tiền của dự án đóng vai trò là nguồn hoàn trả nợ và nói chung không dựa vào uy tín của DNDA là Doanh nghiệp Liên doanh Petromacareo do DNDA này

là một loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn.

Một cách tổng quát, chúng ta có thể mô hình hoá sự khác nhau giữa phương thức TTDA và các phương thức tài trợ truyền thống thông qua Hình vẽ 1 dưới đây. Nhìn vào Hình vẽ 1 này cho thấy, nếu như trong phương thức tài trợ truyền thống, các TCTD sẽ cho các chủ đầu tư đóng vai trò là người khởi xướng vay tiền để thực hiện dự án và chủ đầu tư là người chịu trách nhiệm trả hết nợ cho TCTD bất kể sự thành công hay thất bại của dự án, thì với phương thức TTDA, các TCTD sẽ cho DNDA đóng vai trò là chủ đầu tư dự án vay để thực hiện DAĐT và các cổ đông đóng vai trò là người khởi xướng dự án và họ chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn mà họ đã góp vào DNDA. Đây chính là điểm khác nhau căn bản giữa phương thức TTDA với các phương thức tài trợ truyền thống cần phải được nhấn mạnh.

**Hình 1. Sự khác nhau giữa phương thức tài trợ truyền thống và TTDA**





Về tình hình thực hiện các khoản TTDA tại các TCTD ở Việt Nam, theo một công trình nghiên cứu của tác giả, các TCTD chỉ thật sự bắt đầu thực hiện phương thức TTDA cho các DAĐT ở Việt Nam từ khoảng đầu những năm 2000. Một trong những DAĐT đầu tiên được các TCTD nước ngoài thực hiện cấp tín dụng theo phương thức TTDA cho DAĐT của các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam là Dự án Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 2.2 nằm trong khu trung tâm điện lực Phú Mỹ thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Dự án Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 2.2 được xem là một điển hình thành công của TTDA ở Việt Nam và nó được xem như là một hình mẫu cho việc vận dụng và mở rộng phương thức TTDA cho các DAĐT thuộc các ngành nghề và lĩnh vực khác ở Việt Nam. Tính từ thời điểm đó cho đến hết năm 2012 vừa qua, theo một số liệu tổng hợp của tác giả, đã và đang có khoảng 38 DAĐT lớn được các TCTD trong và ngoài nước cấp tín dụng theo phương thức TTDA cho các DAĐT của các nhà đầu tư trong và ngoài nước ở Việt Nam (Bảng 1), trong đó số lượng các DAĐT được tài trợ nhiều nhất là từ năm 2009-2011, trong đó năm 2010 là năm có số lượng DAĐT được tài trợ nhiều nhất (12 DAĐT) trong khi từ năm 2002- 2006 mỗi năm chỉ có khoảng 1 DAĐT được tài trợ.

Nếu phân theo ngành nghề thì các DAĐT ngành điện được

**Bảng 1. Tình hình thực hiện phương thức TTDA tại các TCTD từ 2002-2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Số lượng DAĐT	Tổng mức đầu tư	Mức cho vay	Tỷ lệ cho vay (%)
2012	1	1.672,00	1.338,57	80
2011	6	78.123,05	43.994,84	56
2010	12	35.335,60	22.785,70	64
2009	9	25.225,04	9.901,38	39
2008	2	2.809,50	1.890,00	67
2007	4	4.550,00	2.060,10	45
2006	1	1.806,52	1.264,56	70
2005	1	669,00	180,63	27
2003	1	6.478,29	628,96	10
2002	1	7.240,32	5.128,56	71
<b>Cộng</b>	<b>38</b>	<b>163.909,31</b>	<b>89.173,30</b>	<b>54</b>

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

**Bảng 2. Tình hình thực hiện phương thức TTDA tại các TCTD ở Việt Nam từ 2002- 2012 phân theo ngành nghề**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Ngành	Số lượng DAĐT	Tổng mức đầu tư	Mức cho vay	Tỷ lệ cho vay (%)
1	Điện	15	98.330,36	61.091,63	62,13
2	Khách sạn	4	4.590,00	2.209,10	48,13
3	Xi măng	4	4.774,00	2.240,63	46,93
4	Trung tâm thương mại, Văn phòng	3	9.046,14	4.248,68	46,97
5	Thực phẩm	3	20.208,10	3.640,93	18,02
6	Cầu đường	3	6.603,52	4.692,56	71,06
7	Xăng dầu	2	8.977,00	5.701,81	63,52
8	Thép	2	7.594,20	2.877,00	37,88
9	Bất động sản	1	1.500,00	846,00	56,40
10	Nguyên liệu	1	2.286,00	1.624,97	71,08
	<b>Cộng</b>	<b>38</b>	<b>163.909,31</b>	<b>89.173,30</b>	<b>54,40</b>

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

tài trợ nhiều nhất (15 DAĐT), kể đến là các ngành khách sạn và xi măng (mỗi ngành có 4 DAĐT được tài trợ). Các ngành còn lại có từ 1- 3 DAĐT được tài trợ theo phương thức TTDA. Điều này cho thấy, phương thức TTDA đã được các TCTD sử dụng để tài trợ cho các DAĐT ở Việt Nam

không chỉ thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng mà nó còn được sử dụng để tài trợ cho các ngành kinh doanh dịch vụ, nguyên liệu và thực phẩm, xăng dầu...

Các TCTD tham gia TTDA hoặc đồng tài trợ cho các DAĐT ở Việt Nam cũng khá đa dạng, bao gồm các TCTD thuộc sở hữu Nhà nước (Ngân



**Bảng 3. Tình hình thực hiện phương thức TTDA và đồng tài trợ từ 2002-2012 ở Việt Nam**

*Đơn vị: tỷ đồng*

TT	Phương thức TTDA	Số lượng DAĐT	Tổng mức đầu tư	Mức cho vay	Tỷ lệ cho vay (%)
A	<b>TTDA</b>	<b>15</b>	<b>48.083,70</b>	<b>17.405,73</b>	<b>36</b>
1	NHTM Nhà nước	9	18.704,70	8.449,00	45
2	VDB	4	27.080,00	7.931,63	29
3	NHTM cổ phần	2	2.299,00	1.025,10	45
B	<b>Đồng tài trợ</b>	<b>23</b>	<b>115.825,61</b>	<b>71.767,57</b>	<b>62</b>
1	100% vốn nước ngoài	6	74.419,06	50.200,93	67
2	NHTM nhà nước & NHTM cổ phần	5	20.541,14	8.323,68	41
3	Các NHTM Nhà nước	3	3.890,00	2.468,93	63
4	Các NHTM Cổ phần	3	1.968,10	997,00	51
5	NHTM & CtyTC	2	4.092,52	2.889,53	71
6	NHLD & NHTM & CtyTC & 100% nước ngoài	2	8.084,00	5.156,71	64
7	NHTM & 100% nước ngoài	1	1.470,00	570,00	39
8	VDB & NHTM	1	1.360,80	1.160,80	85
	<b>Cộng</b>	<b>38</b>	<b>163.909,31</b>	<b>89.173,30</b>	<b>54</b>

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

hàng phát triển Việt Nam, NHTM nhà nước), các NHTM cổ phần, TCTD 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty tài chính (dầu khí)... Các TCTD cũng có thể độc lập trong việc thực hiện TTDA (15 DAĐT) hoặc tham gia đồng tài trợ (23 DAĐT).

Phương thức TTDA được xem là một phương thức tài trợ hay cấp tín dụng phi truyền thống cho các DAĐT do các TCTD thực hiện góp phần làm phong phú thêm các nghiệp vụ tín dụng do các TCTD cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp. Phương thức TTDA được thực hiện trên cơ sở chia sẻ lợi nhuận và rủi ro giữa các TCTD tài trợ

và những người khởi xướng dự án. Bên cạnh đó, thực hiện theo phương thức TTDA không làm tăng thêm tỷ số nợ của những người khởi xướng (công ty mẹ) do việc DNDA là người vay chứ không phải là những người khởi xướng như trong các phương thức tài trợ truyền thống. Mặt khác, thực hiện theo phương thức TTDA còn giúp cho những người khởi xướng dự án nhận được các lợi ích từ việc miễn giảm các loại thuế cho những doanh nghiệp mới thành lập.

**Mô hình đối tác công tư (PPP) là gì?**

Nếu như phương thức TTDA được thực hiện phổ biến ở các

nước phát triển từ cuối thập niên 70 thế kỷ trước thì mô hình PPP đã được áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới từ nhiều thế kỷ qua, chẳng hạn như kênh đào ở Pháp vào thế kỷ 18 hay cây cầu Brooklyn nổi tiếng ở NewYork vào thế kỷ 19. Tuy nhiên mô hình này chỉ thật sự bắt đầu phổ biến trên thế giới từ đầu thập niên 1980 và nó đã đóng một vai trò nhất định trong việc phát triển cơ sở hạ tầng ở các nước phát triển như: Nhật Bản, Hoa kỳ, Úc, Pháp, Hàn Quốc...

Hiện nay có khá nhiều định nghĩa khác nhau về mô hình PPP. PPP thường được hiểu một cách ngắn gọn là hình thức hợp tác mà theo đó Nhà nước cho phép tư nhân cùng tham gia đầu tư vào các dịch vụ hoặc công trình công cộng của Nhà nước.

Ở Việt Nam hiện nay, mô hình PPP đang được thí điểm thực hiện theo Quyết định 71/2010/QĐ-TTg ngày 9/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức PPP (Quyết định 71). Theo đó, mô hình PPP được hiểu là việc “*Nhà nước và nhà đầu tư cùng phối hợp thực hiện dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công trên cơ sở hợp đồng dự án*”.

Cũng theo Quyết định 71, để thực hiện đầu tư theo hình thức PPP, nhà đầu tư phải có vốn đầu tư tham gia tối thiểu là 70% tổng mức đầu tư của dự án (trong đó phần vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư trong dự án phải



đảm bảo tối thiểu bằng 30% phần vốn của khu vực tư nhân tham gia dự án). Nhà đầu tư có thể huy động vốn vay thương mại và các nguồn vốn khác (không có bảo lãnh của Chính phủ) tới mức tối đa bằng 70% phần vốn của khu vực tư nhân tham gia dự án. Phần tham gia của Nhà nước không vượt quá 30% tổng mức đầu tư của dự án (trừ trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định). Phần tham gia của Nhà nước là tổng hợp các hình thức tham gia của Nhà nước bao gồm: Vốn Nhà nước, các ưu đãi đầu tư, các chính sách tài chính có liên quan, được tính trong tổng mức đầu tư (tổng vốn đầu tư) của dự án. Căn cứ tính chất của từng dự án cụ thể, vốn Nhà nước có thể được sử dụng để trang trải một phần chi phí của dự án, xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc các công việc khác trong trường hợp cần thiết. Tuy nhiên, phần tham gia của Nhà nước không phải là phần góp vốn chủ sở hữu trong DNDA, không gắn với quyền được chia lợi nhuận từ nguồn thu của dự án. Nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án phải thanh toán lại cho Nhà nước chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được bố trí từ Ngân sách Nhà nước và các nguồn thu khác (nếu có). Mặt khác, để thực hiện DADT theo hình thức PPP, nhà đầu tư phải thành lập DNDA.

So với mô hình PPP đang được thí điểm theo Quyết định 71 nói trên thì các DADT

được thực hiện theo hình thức BOT, BTO và BT theo Nghị định 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ cũng được xem là các hình thức đầu tư theo mô hình PPP. Tuy nhiên, giữa hai hình thức đầu tư này có một số điểm khác biệt. Cụ thể là theo Nghị định 108, tổng vốn Nhà nước tham gia không được vượt quá 49% tổng vốn đầu tư của dự án BOT, BTO và BT. Đối với các dự án cần thực hiện để đáp ứng nhu cầu cấp bách về việc sử dụng công trình kết cấu hạ tầng và dự án quan trọng khác, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc thực hiện các công việc khác nhằm hỗ trợ thực hiện dự án. Nguồn vốn hỗ trợ này không tính vào tổng vốn đầu tư của các dự án và được lập, quản lý, sử dụng theo quy định đối với DADT sử dụng vốn Nhà nước. Tuy nhiên, tùy thuộc tính chất và quy mô của dự án, nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án phải thanh toán cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chi phí chuẩn bị dự án đã được bố trí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn thu khác (nếu có). Mặt khác, để thực hiện các DADT theo hình thức BOT, BTO và BT, nhà đầu tư phải tiến hành thủ tục thành lập DNDA hoặc bổ sung ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh đối với những nhà đầu tư nào đã thành lập tổ chức kinh tế.

Theo thống kê của Trung tâm Hỗ trợ đầu tư thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư được nêu trong bài viết “Thách thức với mô hình PPP” (TBKTSG số 28-2010, ra ngày 8/7/2010), tính từ năm 1996 đến 2010, cả nước chỉ có 90 dự án đầu tư PPP với tổng số vốn đăng ký 7,1 tỉ đô la. Trong đó, các dự án về giao thông chiếm 70% về số lượng và 95% về vốn; phần còn lại là các dự án về điện, viễn thông và xử lý nước.

Mặt khác, theo Cục Quản lý Đầu thầu (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư), đến nay mới có 2 dự án PPP được chấp thuận về chủ trương đầu tư, trong đó có dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây- Phan Thiết với vốn đầu tư 23.223 tỷ đồng và 15 dự án đang triển khai nghiên cứu (Văn Chính, 2013).

Các DADT theo hình thức PPP đang được kỳ vọng là sẽ góp phần cải thiện tình hình đầu tư không mấy khả quan của khu vực công, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo, kinh nghiệm quản lý và nguồn lực tài chính của khu vực tư nhân trong và ngoài nước tham gia vào việc phát triển cơ sở hạ tầng cho Việt Nam trong thời gian tới, giảm bớt gánh nặng đầu tư công từ phía chính phủ và chính quyền địa phương cũng như góp phần kiềm chế tốc độ gia tăng nợ công của Việt Nam trong thời gian tới.

#### **Mối quan hệ thúc đẩy phát triển lẫn nhau giữa phương thức TTDA và mô hình PPP**

Từ việc nhận biết được sự khác nhau cơ bản giữa phương



thức TTDA với các phương thức tài trợ truyền thống, cũng như từ việc phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa mô hình PPP theo hình thức BOT, BTO, BT và mô hình PPP đang được thí điểm theo Quyết định 71 cho thấy, phương thức TTDA tại các TCTD và mô hình PPP theo Quyết định 71 của Thủ tướng Chính phủ có một đặc điểm giống nhau là bắt buộc nhà đầu tư phải thành lập DNDA để thực hiện các DAĐT của nhà đầu tư. DNDA này đóng vai trò là người vay chứ không phải các nhà đầu tư góp vốn vào DAĐT đóng vai trò là người vay trong phương thức TTDA.

Do đó, nếu việc Chính phủ Việt Nam khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ các DAĐT theo mô hình PPP hay theo hình thức BOT, BTO và BT trong thời gian tới thông qua các công cụ và chính sách tài chính, hỗ trợ dịch vụ công, hỗ trợ một phần chi phí chuẩn bị đầu tư và một phần chi phí đầu tư xây dựng, chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư... với mục đích làm tăng tính khả thi của các DAĐT sẽ tạo điều kiện thuận lợi rất nhiều cho việc các TCTD ở Việt Nam mạnh dạn tham gia vào các khoản TTDA cho các dự án có nhu cầu vay vốn từ các TCTD trên cơ sở chia sẻ lợi ích và rủi ro từ các DAĐT được tài trợ. Mặt khác, một khi các TCTD ở Việt Nam đã nhận thấy được hết những cơ hội mang lại tiềm năng lợi nhuận hấp dẫn cũng như là những rủi ro mà họ có thể gánh chịu khi tham gia tài trợ cho các DAĐT theo mô

hình PPP, họ sẽ có sự chuẩn bị về mặt định hướng chiến lược kinh doanh, chính sách nhân sự, chính sách huy động vốn, chính sách quản lý rủi ro để làm tăng tính khả thi về nguồn vốn đầu tư cho các DAĐT, qua đó cũng sẽ góp phần thúc đẩy việc thực hiện các DAĐT theo mô hình PPP có sử dụng nguồn vốn vay từ các TCTD ngày một nhiều hơn. ■

#### Tài liệu tham khảo

1. Benjamin C. Esty (2004), *Modern project finance*, John Wiley & Sons, Inc;
2. Chính phủ (2009), *Nghị định 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 về đầu tư theo hình thức BOT, BTO và BT*;
3. Chính phủ (2010), *Quyết định 71/2010/QĐ-TTg ngày 9/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức PPP*;
4. Văn Chính (2013), *Hoàn thiện quy định đầu tư theo hình thức PPP*, <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Hoan-thien-quy-dinh-dau-tu-theo-hinh-thuc-PPP/20133/163764.vgp>;
5. *Credit Analysis, Fundamentals of Project finance*, A DC Gardner workbook.

#### tiếp theo trang 33

goods against a B/L the carrier reasonably believes to be genuine, and the like.”<sup>1</sup>

<sup>1</sup> (i) Giao hàng không cần yêu cầu xuất trình bản gốc surrender B/L; và/hoặc

(ii) Trong trường hợp vận đơn không chuyên nhượng chỉ ra rằng người chuyên chở có thể giao hàng cho người nhận hàng có tên trên vận đơn với các chứng nhận hợp lý mà không

Cách hiểu về Surrender B/L vẫn chưa được thống nhất ở những năm sau đó. Tuy nhiên, trong Official Opinion R758/TA675rev-2009-2011, ICC đã cho rằng với những B/L xuất hiện chứa đựng điều khoản tương tự trên, theo Điều 20(a) (v), chúng được xem là điều khoản chuyên chở, và do đó, các ngân hàng sẽ không xem xét nó khi kiểm tra B/L. Vì thế, hiện nay Surrender B/L không được áp dụng trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ mà ở các phương thức thanh toán khác.

#### \* Cách sử dụng

Nhìn vào Sơ đồ 5 cho thấy, người gửi hàng sau khi giao hàng cho người chuyên chở và nhận bộ B/L gốc, thay vì chuyển bộ B/L đó cho người nhận hàng thì chủ hàng chuyển bộ B/L gốc tại bất kỳ văn phòng nào của hãng tàu ngoài cảng đến (thường là cảng xếp hàng) và thanh toán mọi chi phí liên quan. Văn phòng của hãng tàu tại nơi nhận B/L gốc sẽ gửi văn bản xác nhận (bằng FAX hoặc email) việc xuất trình này cùng với chi tiết lô hàng cho văn phòng của hãng tàu tại cảng đến. Xác nhận này phải thể hiện rõ bộ vận đơn có số, ngày, tháng đã được “xuất trình” (surrendered) rồi và yêu cầu công ty, đại lý của họ giao

#### xem tiếp trang 62

cần phải xuất trình bản gốc surrender B/L; và/hoặc

(iii) Cho phép giao hàng đổi lại xuất trình B/L nếu người chuyên chở tin tưởng một cách hợp lý tính chân thực của vận đơn, và những trường hợp tương tự.